

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TAM NÔNG  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23 /2025/HNGĐ-ST

Ngày 22/5/2025.

“V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH PHÚ THỌ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thơm.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Chí Thanh.

Ông Trần Hoàng Hưng.

*Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Trung Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 05 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông tỉnh Phú Thọ xét xử công khai vụ án thụ lý số 135/2025/TLST - HNGĐ ngày 6 tháng 3 năm 2025. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 8 tháng 05 năm 2025 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh năm 1980. (Xin vắng mặt).

**Bị đơn:** Anh Trương Văn B, sinh năm 1983. (Vắng mặt)

Đều Địa chỉ: Khu C, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Quỳnh N trình bày:

**Về quan hệ hôn nhân:** Chị N và anh Trương Văn B có đăng ký kết hôn ngày 20/10/2005 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Hai bên kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc bình thường đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh B nhiều lần dùng bạo lực đánh chị N dẫn đến vợ chồng thường xuyên xô xát với nhau. Từ khoảng năm 2017 anh B do vay mượn nợ nần nên đã bỏ vào miền N làm ăn sinh sống nhưng chị N không biết địa chỉ cụ thể ở đâu và không quay về ở với chị N và hai con chung nữa. Hai người sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng thật sự không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh B.

**Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:** Chị N xác định vợ chồng có 03 con chung là cháu Trương Anh T, sinh ngày 8/02/2007, cháu Trương Thùy T1, sinh ngày 23/3/2013 và cháu Trương Hoàng T2 sinh ngày 22/3/2010. Khi ly hôn chị N có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là cháu T2 và cháu T1 và tự nguyện không yêu cầu anh B đóng góp tiền nuôi con chung cùng chị.

Đối với cháu Trương Anh T đã trưởng thành lao động tự túc được nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

**Về con chung:** Chị N xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng không đề nghị Tòa án giải quyết.

**Về nợ chung, công sức đóng góp gia đình:** Chị N xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trương Công B1 trong quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành các trình tự, thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã báo gọi anh B1 đến Tòa án làm việc nhiều lần nhưng anh B1 do đi làm ăn xa và cũng cố tình trốn tránh không đến Tòa án làm việc.

**Tại phiên tòa Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông phát biểu quan điểm:**

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại các Điều 195, 196, 209, 210 và Điều 211 của Bộ luật tố tụng dân sự. Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**Ý kiến về việc giải quyết vụ án:**

- Căn cứ điều 51, điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật HNGĐ năm 2014

- Căn cứ khoản 4 điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Quỳnh N được ly hôn với anh Trương Công B1.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Thùy T1 sinh ngày 23/3/2013 và cháu Trương Hoàng T2 sinh ngày 22/3/2010 cho chị Nguyễn Thị Quỳnh N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trương Công B1 không phải đóng góp tiền nuôi con chung cùng chị N vì chị N không yêu cầu.

Đối với cháu Trương Anh T đã trưởng thành lao động tự túc được nên không xem xét giải quyết.

3. Về vấn đề tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp gia đình: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

### **Về trình tự thủ tục tố tụng:**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Nguyễn Thị Quỳnh N khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị và anh Trương Công B1 là “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn có nơi cư trú tại khu C, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Tam Nông thụ lý và xét xử là đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Anh B1 đã được Tòa án tổng đạt quyết định xét xử hợp lệ, nhưng xin vắng mặt tại phiên tòa do đang ở xa nên không đến Tòa án được. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh B1.

### **Về nội dung:**

[1] Xét về quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Quỳnh N và anh Trương Công B1 là hôn nhân hợp pháp, hai bên kết hôn trên cơ sở tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau tại xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Trong quá trình chung sống thì đến năm 2017 hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do anh Trương Công B1 nợ nần nhiều và bỏ đi làm ăn ở miền N không quan tâm đến vợ con, chị N một mình làm việc chăm sóc nuôi dưỡng ba con chung tại xã T từ đó đến nay.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương chị N và anh B1 có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã T, huyện T. Sau khi cưới chị N và anh B1 có chung sống với bố đẻ anh B1 ở xã T, T, Phú Thọ là ông Trương Công Đ, sau đó ông Đ cho đất để hai vợ chồng làm nhà ở riêng. Khoảng 7 đến 8 năm trước hai vợ chồng chị N và anh B1 xảy ra mâu thuẫn do anh B1 vay mượn nợ nần nhiều nên anh B1 bỏ vào miền N làm ăn nhưng địa phương không biết địa chỉ cụ thể ở đâu, anh B1 chỉ thỉnh thoảng quay về thấp hương cho bố đẻ là ông Đ. Hiện nay chị N và anh B1 sống ly thân, không ai quan tâm đến ai.

Xét thấy cuộc sống chung của chị N và anh B1 không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần xử cho chị N được ly hôn với anh B1 là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị N và anh B1 có 3 con chung là cháu Trương Anh T, sinh ngày 8/02/2007, cháu Trương Thùy T1, sinh ngày 23/3/2013 và cháu Trương Hoàng T2 sinh ngày 22/3/2010. Hiện nay cả ba con chung vẫn ở cùng chị N tại xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh Trương Công B1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án, nhưng đã có quan điểm thông qua

em dâu anh B1 là chị Nguyễn Thị Phương T3 là nhất trí giao hai con chung là cháu T1 và cháu T2 cho chị N được chăm sóc nuôi dưỡng. Cháu T2 đã trưởng thành lao động tự túc được nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Về phía chị N là mẹ và có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung. Chị N đã tự mình chăm sóc nuôi dưỡng ba con chung từ khi ly thân với anh B1. Anh B1 đi làm ăn xa, không thường xuyên và không trực tiếp quan tâm chăm sóc con chung được. Vì vậy Hội đồng xét xử quyết định giao con chung cho chị N là mẹ chăm sóc giáo dục là tốt cho sự phát triển tâm sinh lý và đảm bảo quyền lợi cho các cháu.

Do vậy cần giao hai con chung là cháu T và cháu T1 cho chị N trực tiếp chăm sóc, giáo dục là phù hợp. Chị N không yêu cầu anh Trương Công B1 cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận.

Đối với cháu Trương Anh T đã trưởng thành lao động tự túc được nên không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Anh Trương Công B1 vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào các Điều 28, 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Quỳnh N được ly hôn với anh Trương Công B1.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Thùy T1, sinh ngày 23/3/2013 và cháu Trương Hoàng T2 sinh ngày 22/3/2010 cho chị Nguyễn Thị Quỳnh N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Trương Công B1 không phải đóng góp tiền nuôi con chung cùng chị N vì chị N không yêu cầu.

Đối với cháu Trương Anh T đã trưởng thành lao động tự túc được nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp gia đình: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Quỳnh N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm (Xác nhận chị N đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001512 ngày 6/3/2015 của chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ).

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày nhận được (niêm yết) bản án.

**Nơi nhận:**

- VKSND Tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Các đương sự;
- UBND xã Thọ Văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thơm**

